

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG Y TẾ THÁNG 7/2019 NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG 8/2019

PHẦN I

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG Y TẾ THÁNG 7/2019

A. CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG DỊCH

1. Bệnh sốt xuất huyết: Trong tháng có 48 ca mắc mới, tăng 22 ca so với tháng trước, cộng dồn: 179 ca, tăng 86 ca so với cùng kỳ. Bổ sung tháng 6/2019 02 ca địa bàn Châu Thành A và thành phố Vị Thanh.

2. Bệnh tay chân miệng: Trong tháng có 49 ca mắc mới, tăng 22 ca so với tháng trước, cộng dồn: 213, tăng 59 ca so với cùng kỳ.

3. Bệnh sởi: Trong tháng 12 ca mắc mới, cộng dồn: 21 ca, tăng 21 ca so với cùng kỳ.

4. Bệnh dịch lạ: Trong kỳ chưa phát hiện các bệnh dịch lạ như SARS, EBOLI, H5N1, MERS-CoV, Zika.

5. Bệnh viêm gan do virus B: Trong tháng không có ca mắc, cộng dồn 01 ca mắc, tương đương cùng kỳ.

6. Các bệnh truyền nhiễm khác: Các bệnh truyền nhiễm khác chưa ghi nhận ca mắc.

B. THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ KHÁC

1. Chương trình tiêm chủng mở rộng: Số trẻ <1 tuổi được miễn dịch đầy đủ trong tháng là 1.037, cộng dồn là 6.145 trẻ, đạt 52,70% so với kế hoạch; Tiêm sởi mũi 2 trong tháng là 1.021, cộng dồn là 6.583 trẻ, đạt 56,03%; Tiêm ngừa uốn ván trên thai phụ (VAT2(+))TP trong tháng là 1.000, cộng dồn là 5.885, đạt 50,47%.

2. Chương trình phòng chống HIV/AIDS: Số nhiễm HIV mới phát hiện trong tháng là 02 ca, cộng dồn: 91 ca (tăng 40 ca so với cùng kỳ), lũy kế từ 2004 đến nay là 1.675 ca (còn sống 1.100 người); số bệnh nhân AIDS phát hiện trong tháng là 01 ca, cộng dồn là 12 ca (giảm 15 ca cùng kỳ), lũy kế từ 2004 đến nay là 1.013 ca; Số bệnh nhân tử vong do AIDS trong tháng là 01 ca, cộng dồn là 05 ca (giảm 07 ca so với cùng kỳ), lũy kế từ 2004 đến nay là 575. Số người hiện đang điều trị Methadone 39. Tổng số bệnh nhân điều trị ARV 722.

3. Chương trình phòng chống Sốt rét (SR): Số ca phát hiện mới: 0 ca; cộng dồn: 00, tương đương với cùng kỳ; số lam xét nghiệm trong tháng là: 664,

cộng dồn: 4.022, đạt 80,44% kế hoạch năm. Truyền thông 12 lượt với 157 người dự.

4. Chương trình Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (DS-KHHGD)

4.1. Cơ cấu dân số:

- Số nam giới chiếm tỷ lệ 50,09%/tổng dân số của tỉnh, tương đương 386.931 người.
- Số phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (15 - 49 tuổi) là 200.600 người.
- Số phụ nữ từ 15 - 49 tuổi có chồng là 128.293 người.
- Số người từ 60 tuổi trở lên: 110.016 người, chiếm tỷ lệ 14,24%..

4.2. Kết quả thực hiện các biện pháp tránh thai mới theo chỉ tiêu năm:

Toàn tỉnh có 52.441/49.890 người áp dụng các BPTT hiện đại, đạt 105,11% KH năm:

Các BPTT	Quản lý BPTT hiện đại			BPTT hiện đang quản lý đến tháng 07/2019
	Thực hiện trong tháng	Lũy kế/chỉ tiêu năm		
		Thực hiện	Tỷ lệ (%)	
Đình sản	01	04		2.421
Vòng tránh thai	5815	6.132/8.450	3,75	34.263
Thuốc tiêm TT	1.803	1.803/1.200	131,5	1.803
Thuốc cấy TT	391	394/550	0,54	2.638
Thuốc uống TT	33.394	33.394/33.370	96,80	33.394
Bao cao su	10.718	10.718/6.320	234,92	10.718
Tổng	52.121	52.441/49.890	105,11	85.237

- Tỷ lệ hiện đang áp dụng biện pháp tránh thai hiện đại là 66,43%.
- Tỷ lệ hiện đang áp dụng biện pháp tránh thai khác là 6,85% (8.792 người).
- Tổng biện pháp tránh thai chung hiện đang quản lý là 73,29%.

4.3. Kết quả thực hiện chỉ tiêu nâng cao chất lượng dân số:

- Sàng lọc trước sinh: Trong tháng có 314 thai phụ được sàng lọc trước sinh, lũy kế có 1011/3.180 thai phụ, tỷ lệ 31,79%.

- Sàng lọc sơ sinh: Trong tháng có 341 trẻ sinh được sàng lọc, lũy kế có 1.270/3.180 trẻ sinh, tỷ lệ 29,21%. Trong tháng có 14 trường hợp nguy cơ cao (lũy kế có 31 trường hợp: Trong đó 27 trường hợp thiếu men G6PD và 04

trường hợp suy giáp bẩm sinh (01 bình thường; 02 bất thường; 01 chưa sàng lọc lần 2):

+ 15 trường hợp có kết quả lần 2 bất thường (Phụng Hiệp 11; Châu Thành 02 trường hợp; huyện Long Mỹ 01; Tx Long Mỹ 01).

+ 05 trường hợp có kết quả sàng lọc lần 2 bình thường (TX. Long Mỹ 01; Châu Thành A 01; Phụng Hiệp 01; Châu Thành 01; huyện Long Mỹ 01).

+ 11 trường hợp đã vận động đối tượng sàng lọc lần 2 (TX Long Mỹ 01; Phụng Hiệp 04; Châu Thành A 03; Châu Thành 03).

- Khám sức khỏe tiền hôn nhân: Trong tháng có 239 cặp, lũy kế 554 cặp.

- Khám sức khỏe người cao tuổi: Trong tháng thực hiện được 49.114; lũy kế có 55.631/110.016 người, đạt tỷ lệ 50,56%.

5. Chương trình Vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP)

* Tổng số đoàn kiểm tra, thanh tra trong tháng: 55, trong đó tuyến tỉnh 09, tuyến huyện và xã: 76.

Đoàn liên ngành của tỉnh và huyện: 02.

* Kết quả kiểm tra:

- Cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm: 09, số cơ sở đạt 09 (đạt 100%).

- Cơ sở kinh doanh thực phẩm: 03, số cơ sở đạt 03 (đạt 100%).

- Cơ sở dịch vụ ăn uống: 332, số cơ sở đạt 264 (đạt 79,5%).

- Số cơ sở vi phạm: 68; Số cơ sở phạt: 00; hủy sản phẩm: 00; nhắc nhở: 68. Số tiền xử phạt là 0 đ.

- *Ngộ độc thực phẩm*: Trong tháng không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm.

6. Chương trình phòng chống Lao:

Nội dung	Chỉ tiêu	Thực hiện	Cộng dồn	Tỷ lệ	So cùng kỳ
* Khám phát hiện :					
Tổng số :	1.126	109	700	62,2%	↑4,8%
- Lao phổi M (+) mới	676	79	453	67%	↓2,5%
- Lao phổi M (+) tái trị	56	4	39	69,6%	Tương đương
- Lao phổi M (-) mới	180	10	69	38,3%	↑3,3%
- Lao ngoài phổi	135	16	135	100%	↑37,1%
- Lao kháng thuốc	35	0	10	28,6%	↓22,8%
- Lao trẻ em	44	2	4	9,1%	↑6,9%
- Lao khác					
- Tổng số tiêu bản đàm	18.330	1112	8502	46,4%	↓7,2%
* Bệnh lành :					
Tổng số	> 90% 1239	89	683	55,1%	↑2,6%

- Lao phổi M (+) mới	> 93% 799	61	507	63,4%	↑5,1%
----------------------	--------------	----	-----	-------	-------

7. Chương trình sức khỏe tâm thần

Nội dung	Chỉ tiêu	Thực hiện/ tháng 06	Cộng đòn	Tỷ lệ %	So với cùng kỳ năm trước%
* Tổng số bệnh mới phát hiện	170	9	122	71,76	↑1,28
Tâm thần phân liệt	85	5	66	77,65	↑5,36
Động kinh	85	4	56	65,88	↓2,79
* Tổng số bệnh đang quản lý	2.875	2.831	2.831	98,47	↓0,98
Tâm thần phân liệt	1.460	1.419	1.419	97,19	↑4,89
Động kinh	1.415	1.412	1.412	99,79	↓7,72
Động kinh trẻ em	183	156	156	85,25	↓6,27
* Tổng số bệnh nhân chữa ổn định	2.586	2.814	2.814	108,82	↑5,95
Số bệnh chữa ổn định TTPL	1314	1.409	1.409	107,23	↑12,55
Số bệnh chữa ổn định ĐK	1272	1.405	1.405	110,46	↓1,75

8. Chương trình Phòng chống Phong - Da liễu

Nội dung	Thực hiện/ tháng 6	Cộng đòn	Tỷ lệ %	So với cùng kỳ năm trước%
Tổng số bệnh Phong mới phát hiện	0	4	0	↑2 cas
Tổng số bệnh LTQĐTD mới phát hiện	4.697	14.675	70,64	↑18,31
Tổng số người khám và điều trị bệnh da	2.718	16.354	50,21	↓0,14
Khám TX với BN Phong trong GD	9	76	31,15	↓16,9

Số lượt chăm sóc tàn tật (mỗi bn khám 4 lượt)	31	259	69,62	↑3,62
Tổng số bệnh nhân hoàn thành ĐHTLTN	1	4	80	↑65,71
Bệnh nhân giám sát trong năm	4	34	125,93	↓0,54
Bệnh nhân hoàn thành giám sát	1	9	100,00	↑90,91
BN tàn tật được chăm sóc tàn phế	100%	100%	1,05%	0%
Tổng số bệnh nhân ĐHTL trong năm	6	8	160,00	↑76,67
Số BN cần phẫu thuật phục hồi chức năng	0	0	0,00	0,00

9. Chương trình Chăm sóc sức khỏe sinh sản (CSSKSS)

*** Chăm sóc sức khỏe bà mẹ**

- Tổng số đẻ được quản lý : 865, cộng dồn: 6.972, đạt: 98,8%, tăng 2,4% so với cùng kỳ;

- Phụ nữ đẻ được khám thai > 3 lần : 873, cộng dồn: 6.900, đạt: 97,7%, tăng 1,3% so với cùng kỳ;

- 100% sản phụ sanh tại cơ sở y tế và được cán bộ y tế đỡ;

- Chăm sóc sau sanh tại nhà đạt: 98,4%, tăng 0,4% so với cùng kỳ.

- Tổng số khám phụ khoa: 103.003, tăng 57,6% so cùng kỳ; điều trị phụ khoa 37.265, tăng 46,10% so với cùng kỳ.

*** Công tác chăm sóc sức khỏe trẻ em**

- Tổng số trẻ đẻ sống: 896, cộng dồn: 7.060 (nữ 3.426).

- Trẻ sơ sinh sống được cân: 100%.

- Trẻ đủ tháng nhẹ cân < 2500gr: 50, chiếm tỷ lệ 0,7%, giảm 0,5% so với cùng kỳ.

10. Chương trình phòng chống suy dinh dưỡng (SDD)

- Số trẻ < 5 tuổi bị SDD cân nặng/ tuổi: 6.827, chiếm tỷ lệ 11,5; tăng 0,3 so với cùng kỳ.

- Số trẻ < 5 tuổi bị SDD chiều cao/ tuổi: 13.413, chiếm tỷ lệ 22,5%; tương đương cùng kỳ.

- Số trẻ < 5 tuổi được phát hiện thừa cân, béo phì: 130, chiếm tỷ lệ 2,1%.

- Số trẻ < 2 tuổi bị SDD cân nặng/ tuổi: 1.600, chiếm tỷ lệ 7,5%.

11. Chương trình Quân – Dân Y kết hợp

Tiếp tục triển khai công tác quân dân y năm 2019.

12. Chương trình ĐTD, THA, COPD, Hen phế quản, Ung thư

*** Chương trình đái tháo đường:** Tổng số BN ĐTD quản lý: 9.968 người, tăng 6.988 người so với cùng kỳ. Trong đó: Bệnh nhân tiền ĐTD: 5.106 người; Bệnh nhân ĐTD: 4.862 người. Tỷ lệ bệnh nhân tiền ĐTD được tư vấn: 79,53% và ĐTD là 74,15%.

*** Chương trình Phòng chống tăng huyết áp:** Số lượt bệnh nhân THA đến khám và điều trị tại Trạm y tế: 10.366, cộng dồn: 56.945, tăng 40.781 lượt

so với cùng kỳ; Số bệnh nhân điều trị đạt huyết áp mục tiêu: 4.194, tăng 2.146 BN so với cùng kỳ; số bệnh nhân quản lý hiện tại: 16.411 người, tăng 7.317 người so với cùng kỳ.

* **Chương trình Phòng chống phổi tắc nghẽn mãn tính:** Số bệnh nhân COPD được phát hiện: 05, cộng dồn: 24; số bệnh nhân quản lý tư vấn: 241.

* **Chương trình Phòng chống hen phế quản:** Số bệnh nhân được phát hiện: 03, cộng dồn: 12; số bệnh nhân quản lý tư vấn: 12.

* **Chương trình Phòng chống ung thư:** Số bệnh nhân được phát hiện: 01, cộng dồn: 09; số bệnh nhân quản lý tư vấn: 09.

C. CÔNG TÁC KHÁM CHỮA BỆNH – PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

1. Kết quả thực hiện khám chữa bệnh đến tháng 7/2019:

- Tổng số lần khám 202.247, cộng dồn: 1.153.892, đạt 55,77% KH, giảm 4,02% so cùng kỳ. (Trong đó: tuyến tỉnh đạt 45,47%, tuyến huyện: 53,47%, PKĐKKV: 59,86% và TYT đạt 63,31%).

- Tổng số BN điều trị nội trú: 9.657, cộng dồn: 62.672 lượt, đạt 49,57% KH, giảm 5,01% so với cùng kỳ. (Trong đó: tuyến tỉnh đạt 51,40%; tuyến huyện: 48,93%).

- Ngày điều trị trung bình là 5,89 ngày, giảm 0,46 ngày so với cùng kỳ.

- Công suất sử dụng giường bệnh: **77%**, giảm 16,34% so với cùng kỳ. (Trong đó: BV tỉnh: 78%, BV huyện: 77%).

- Bệnh nhân điều trị nội trú tuyến tỉnh chuyển tuyến: 727, giảm 28 trường hợp so với cùng kỳ; tuyến huyện chuyển tuyến: 2.725, tăng 210 ca so cùng kỳ.

- Tỷ lệ tử vong: **0,05%**, giảm 0,01% so với cùng kỳ.

- Tổng số phẫu thuật: 881, cộng dồn: 6.116, giảm 80 trường hợp so với cùng kỳ. Trong đó phẫu thuật bắt con: 2.174, giảm 315 trường hợp so với cùng kỳ.

- Tổng số tai nạn ngộ độc, chấn thương: 461, cộng dồn 5.121, giảm 1.878 trường hợp so với cùng kỳ.

2. Chữa bệnh bằng Y học dân tộc: Tổng số khám bệnh: 27906, cộng dồn: 162.211 lượt, chiếm tỷ lệ 13,40% tổng số lượt khám chữa bệnh chung tăng 0,79% so với cùng kỳ; Số BN mới điều trị nội trú YHCT tại BV: 362, cộng dồn: 3.020 trường hợp, chiếm tỷ lệ 5,10% tổng lượt điều trị nội trú, giảm 11,25% so với cùng kỳ.

3. Công tác cải tiến chất lượng bệnh viện: Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện công tác cải tiến chất lượng bệnh viện theo quy định của Bộ Y tế. Tổ chức kiểm tra thực hiện Bộ tiêu chí cải tiến chất lượng bệnh viện, Bộ tiêu chí xanh-sạch-đẹp; Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh tại các cơ sở y tế có giường bệnh trực thuộc.

4. Y tế cơ sở: 76/76 Trạm y tế đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã.

D. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

1. Công tác Dược – trang thiết bị y tế:

1.1. Cung ứng thuốc:

- Tổ chức mở thầu gói thầu: Gói thầu thuốc tập trung cấp địa phương thuộc gói thầu cung ứng thuốc cho các đơn vị có giường bệnh trực thuộc Sở Y tế năm 2019 - 2020.

- Trình UBND tỉnh xin phê duyệt: phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: mua sắm một số mặt hàng thuốc để phục vụ công tác khám sức khỏe người cao tuổi năm 2019 tại Trung tâm Y tế huyện Phụng Hiệp. Trình phê duyệt dự trù thuốc thành phẩm gây nghiện, thuốc thành phẩm hướng tâm thần và tiền chất dùng làm thuốc cho các đơn vị.

- Phê duyệt các thông tin phục vụ cho công tác xét thầu thuốc gói thầu cung ứng thuốc cho các đơn vị có giường bệnh trực thuộc Sở Y tế năm 2019 - 2020; phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: mua hóa chất phục vụ tầm soát ung thư gan và một số hóa chất không trúng thầu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hậu Giang; phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: mua hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh học phân tử tự động sử dụng tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi năm 2019.

- Đảm bảo cung ứng đủ thuốc, vật tư y tế cho công tác điều trị tại các cơ sở khám chữa bệnh.

1.2. Quản lý Chất lượng thuốc và mỹ phẩm:

- Không có trường hợp mua bán, tồn trữ thuốc giả, thuốc nhập lậu trên địa bàn tỉnh.

- Thông báo đình chỉ lưu hành mỹ phẩm vi phạm các Quy định về quản lý mỹ phẩm, thuốc không đạt tiêu chuẩn chất lượng.

1.3. Quản lý thuốc độc, thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần:

- Quản lý thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần: thường xuyên quan tâm giám sát việc sử dụng thuốc tại đơn vị. Duyệt dự trù thuốc gây nghiện, hướng thần cho các đơn vị (đối với các mặt hàng thuốc mua sắm ngoài danh mục trúng thầu của các đơn vị). Chế độ báo cáo được thực hiện thường xuyên theo định kỳ 06 tháng/lần, không để xảy ra tình trạng thất thoát, hư hỏng gây lãng phí.

- Kết hợp với Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Hậu Giang giám sát việc mua bán, sử dụng thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần tại các cơ sở y tế.

1.4. Quản lý thông tin-quảng cáo thuốc & mỹ phẩm :

Hiện tại toàn tỉnh có 07 cơ sở sản xuất mỹ phẩm đã được Sở Y tế cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm theo quy định tại Nghị định số 93/2016/NĐ-CP.

1.5. Quản lý dược bệnh viện:

- Chỉ đạo Hội đồng thuốc và điều trị tại các cơ sở khám, chữa bệnh tăng cường công tác quản lý hoạt động cung ứng và sử dụng thuốc.

- Tăng cường sử dụng thuốc do các công ty trong nước sản xuất đáp ứng với nhu cầu điều trị.

1.6. Trang thiết bị y tế:

Giám sát công tác công tác quản lý, sử dụng thiết bị y tế cho các đơn vị.

2. Công tác Nghiệp vụ Y:

- Triển khai các văn bản về lĩnh vực phòng bệnh, khám chữa bệnh do cấp có thẩm quyền ban hành.

- Xét cấp giấy chứng nhận chuyển giao kỹ thuật cho các đơn vị trực thuộc.

3. Công tác Kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm: Trong tháng thực hiện 53 mẫu kiểm nghiệm, cộng dồn: 309 mẫu, đạt 98,11% KHN (trong đó: tân dược 283 mẫu, đông dược 26 mẫu, mỹ phẩm 00 mẫu). Số cơ sở kiểm tra 37, số cơ sở vi phạm 05, lập biên bản: 01 trường hợp, nhắc nhở: 04 và chuyển thanh tra ngành xử lý: 01 trường hợp.

4. Công tác giám định y khoa – Pháp y:

Công tác giám định Y khoa: Trong tháng khám giám định: 27, cộng dồn: 181, giảm 23 trường hợp so với cùng kỳ.

Công tác Pháp y: Trong tháng khám giám định: 55, cộng dồn: 370, giảm 55 trường hợp so với cùng kỳ).

5. Công tác TTGDSK:

- Chuyên mục Sức khỏe mọi nhà trên Đài PTTH tỉnh Hậu Giang (0 kỳ).

- Thực hiện chuyên trang Y tế trên Báo Hậu Giang (0) .

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền trên các Đài Truyền thanh huyện/thị xã/thành phố (chuyên mục cố định: 32 lần/32 bài, chuyên mục không cố định: 0) và tại điểm cố định tại xã/phường/thị trấn: 304 lần/201 bài.

6. Công tác hành chính và quản lý hành nghề Y Dược:

- Công tác hành chính:

+ Duy trì hoạt động phần mềm quản lý văn bản qua mạng, thực hiện chuyển tất cả văn bản đến cho lãnh đạo các phòng chuyên môn xử lý qua phần mềm quản lý văn bản. Số văn bản đến: 664, phát hành văn bản đi: 937.

+ Duy trì hoạt động trang thông tin điện tử của Sở đảm bảo hệ thống mạng nội bộ hoạt động thông suốt.

+ Thực hiện tốt công tác phát hành văn bản đi, văn bản đến. Phát hành văn bản đi.

+ Tiếp tục thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, trong kỳ không có phản ánh hay góp ý phiền hà của cá nhân hay tổ chức.

- Quản lý hành nghề:

+ Tiếp tục xét và cấp chứng chỉ hành nghề, giấy phép hoạt động. Trong quý tiếp nhận 133 hồ sơ, năm trước chuyển sang 80, trả kết quả 76 hồ sơ, đang giải quyết 57 hồ sơ.

+ *Hiện tại toàn tỉnh về hành nghề Y có 547 cơ sở*

Bệnh viện: 03
TTYT có giường bệnh: 08
PKĐK: 04 (03 nhà nước, 01 tư nhân)
TYT và PKKV: 76
Khối cận lâm sàng: 16
Phòng chẩn trị YHCT: 85
Phòng khám chuyên khoa: 312 (PK Răng hàm mặt và nha công: 66),
Cơ sở dịch vụ y tế: 43
+Hành nghề Dược: 628 cơ sở
Công ty dược: 05
Nhà thuốc: 104
Quầy thuốc: 430
Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền: 13
Quầy thuốc Trạm Y tế xã: 76
Cơ sở sản xuất Mỹ Phẩm: 07, Cơ sở sản xuất thuốc: 01.

7. Công tác thanh kiểm tra:

Tổ chức 01 đợt kiểm, 05 cơ sở hành nghề y dược, có 01 cơ sở vi phạm, ra quyết định xử lý 01 cơ sở với số tiền phạt 750.000đ. Trong kỳ tiếp nhận 03 đơn thư khiếu nại, đã giải quyết xong 03/03 đơn thư.

8. Công tác nghiên cứu khoa học:

Tiếp tục triển khai kế hoạch nghiên cứu khoa học năm 2019.

9. Công tác tổ chức cán bộ:

Tham mưu Ban Giám đốc ổn định bộ máy hoạt động các đơn vị y tế tuyến huyện; tiếp tục tham mưu Ban Giám đốc triển khai Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh về tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ của Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc.

9.1. Công tác tổ chức, giải quyết chế độ:

- Thực hiện công tác điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, tiếp nhận và chuyển công tác, chuyển ngạch, tuyển dụng đúng theo quy .
- Giải quyết các chế độ tiền lương và phụ cấp kịp thời và đúng quy định.
- Tham mưu giải quyết nghỉ hưu, thôi việc đúng theo quy định.

9.2. Công tác đào tạo:

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch đào tạo năm 2019.
- Tổng hợp và trình Sở Nội vụ xin ý kiến thỏa thuận đào tạo sau đại học năm 2019. Quyết định cử viên chức tham gia liên thông đại học năm 2019.

9.3. Công tác thi đua khen thưởng:

Tiếp tục triển khai Kế hoạch phát động thi đua ngành Y tế năm 2019

10. Công tác Kế hoạch - Tài chính:

- Dự thảo báo cáo hoạt động y tế 6 tháng năm 2019 và triển khai nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2019.

- Dự thảo báo cáo ước thực hiện công tác y tế năm 2019 và chỉ tiêu kế hoạch hoạt động năm 2020. Dự thảo báo cáo tổng kết thực hiện phát triển kinh tế - xã hội nhiệm kỳ 2016 - 2020, xây dựng chỉ tiêu kế hoạch thực hiện phát triển kinh tế - xã hội nhiệm kỳ 2021 - 2025.

- Tham mưu Ban Giám đốc điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch ngành năm 2019.
- Trình Sở tài chính cấp kinh phí cho các đơn vị trực thuộc, cấp bổ sung kinh phí cho các đơn vị.

- Báo cáo quyết toán năm 2018 các đơn vị trực thuộc.

- Thẩm định hồ sơ KCB cho người nghèo.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do lãnh đạo phân công.

11. Công tác ứng dụng CNTT:

- Tiếp tục triển Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của ngành năm 2019. Triển khai phần mềm quản lý nhân sự - tiền lương, phần mềm quản lý tài sản trang thiết bị y tế. Triển khai phần mềm quản lý hồ sơ sức khỏe người dân cho toàn tỉnh, đến cuối tháng 6/2019 đã lập được 46.716 hồ sơ sức khỏe điện tử.

- Tất cả các cơ sở y tế đã đưa phần mềm quản lý khám chữa bệnh và thanh toán BHYT. Bước đầu đã đạt được những thuận lợi như thống kê số liệu chính xác hơn; dễ dàng, nhanh chóng trong việc tổng hợp số liệu; tạo ra sự nhất quán giữa các cơ sở y tế trong việc thống kê báo cáo số liệu. Quản lý tốt thông tin bệnh nhân đồng thời báo cáo số liệu về Sở Y tế, Bộ Y tế cũng như thanh quyết toán với bảo hiểm y tế kịp thời và chính xác hơn.

- 100% cơ sở y tế thực hiện đầy đủ liệu lên Công Bộ Y tế và Công giám định BHYT. 100% cơ sở y tế đều thực hiện được việc kiểm tra thông tuyến thông qua Công giám định BHYT.

12. Công tác Bảo hiểm y tế: Tính đến ngày 30/6/2019 đã có **79,42%** dân số trên địa bàn tỉnh tham gia BHYT.

E. NHẬN ĐỊNH CHUNG

1. Những kết quả đạt được

- Triển thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh chủ động, hạn chế thấp nhất sự lây lan của dịch bệnh, chưa xuất hiện các loại bệnh dịch lạ. Công tác chăm sóc, điều trị bệnh nhân HIV/AIDS đều được duy trì thường xuyên và đạt được kết quả tốt, bệnh nhân đến đăng ký điều trị ngày càng tăng.

- Dự thảo Đề án thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW.

- Thực hiện tốt công tác khám, chữa bệnh cho đối tượng có thẻ BHYT. Triển khai thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh đã góp phần giảm thời gian chờ đợi khám bệnh của người bệnh, giảm lãng phí xã hội. Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị có giường bệnh tập trung triển khai thực hiện tốt Kế hoạch về đổi mới phong cách và thái độ phục vụ hướng tới sự hài lòng của người bệnh.

- Công tác kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm được tăng cường, không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm trên 30 người/vụ.

2. Những tồn tại, hạn chế, thách thức

- Một số bệnh truyền nhiễm lưu hành như sốt xuất huyết, tay chân miệng vẫn còn ở mức cao, bệnh tay chân miệng tăng so với cùng kỳ; các bệnh dịch có vắc xin phòng bệnh vẫn có nguy cơ bùng phát trở lại như sởi, bạch hầu, ho gà, viêm gan B.

- Các chỉ tiêu về hoạt động khám, chữa bệnh giảm so với cùng kỳ.

- Lĩnh vực VSATTP còn diễn biến phức tạp, khó kiểm soát ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng.

- Tỷ lệ toàn dân tham gia BHYT còn thấp so với chỉ tiêu đề ra.

- Việc triển khai thực hiện cơ chế tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp có thu gặp nhiều khó khăn do nguồn thu không đảm bảo.

PHẦN II

MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG 8/2019

1. Tiếp tục triển khai chiến dịch phòng, chống dịch bệnh; tăng cường chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch phòng, chống dịch bệnh chủ động, hạn chế tối đa số ca mắc mới. Chủ động phòng chống các bệnh dịch xâm nhập từ bên ngoài, tăng cường công tác giám sát, phát hiện sớm, dập dịch kịp thời, không để dịch bệnh lớn xảy ra; từng bước kiểm soát các yếu tố có hại đến sức khỏe liên quan đến môi trường, an toàn thực phẩm, lối sống và hành vi của người dân. Tập trung thực hiện đạt các chỉ tiêu về phòng chống HIV/AIDS theo Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐND ngày 29/02/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang.

2. Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp để giảm quá tải, nâng cao chất lượng dịch vụ theo quy định tại Quyết định 92/QĐ-TTg của Chính phủ và Kế hoạch số 139/KH-BYT về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2016-2020; tiếp tục triển khai Chương trình hành động của ngành y tế tỉnh Hậu Giang về nâng cao năng lực quản lý chất lượng KCB giai đoạn từ nay đến năm 2025; tiếp tục thực hiện cải tiến nâng cao chất lượng bệnh viện trong năm 2019. Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ và Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới, Chương trình hành động của Chính phủ và Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới. Đẩy mạnh hoạt động cải tiến chất lượng bệnh viện, phấn đấu có 13/13 cơ sở điều trị đạt từ mức 2 trở lên.

3. Tiếp tục trình UBND tỉnh triển khai thực hiện Đề án thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW.

4. Tiếp tục phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu triển khai thực hiện Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2017 về việc phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2018-2025. Triển khai thực hiện lộ trình Dự án “Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ tuyến y tế cơ sở” từ nguồn vốn vay và viện trợ của Ngân hàng Thế giới (WB).

5. Tăng cường công tác quản lý an toàn thực phẩm, dược, vắc-xin, sinh phẩm và trang thiết bị y tế: Tăng cường quản lý nhà nước về công tác bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm, xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về an toàn, vệ sinh thực phẩm, đẩy mạnh công tác phối hợp liên ngành về an toàn thực phẩm, không để xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm (trên 30 người mắc) trên địa bàn tỉnh.

6. Tiếp tục triển khai Kế hoạch tổ chức Chiến dịch truyền thông lồng ghép với cung cấp dịch vụ Chăm sóc sức khỏe sinh sản - Kế hoạch hóa gia đình và Nâng cao chất lượng dân số tỉnh Hậu Giang năm 2019.

7. Thông báo kết quả trúng thầu cung ứng thuốc, hóa chất năm 2019.

8. Tiếp tục đổi mới toàn diện phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế, lấy người bệnh làm trung tâm và hướng tới sự hài lòng của người bệnh. Thực hiện tốt quy tắc ứng xử và nâng cao đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, viên chức, người lao động trong các cơ sở y tế. Phần đầu tỷ lệ hài lòng của người bệnh đạt trên 95%.

9. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động khám, chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế, đảm bảo thông tuyến BHYT và trích chuyển dữ liệu theo sự chỉ đạo của Chính phủ và Bộ Y tế. Triển khai hệ thống quản lý sơ khỏe người dân trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Phát triển hệ thống thông tin y tế, tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác truyền thông - giáo dục sức khỏe.

10. Sơ kết công tác y tế 6 tháng đầu năm 2019.

*** Nơi nhận:**

- Văn phòng Tỉnh ủy;
- UBND Tỉnh;
- Ban Tuyên Giáo Tỉnh ủy;
- Sở KH & ĐT;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Trang TTĐT Sở;
- Lưu VP, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Tùng

